

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/DS - PT.
Ngày 23 tháng 10 năm 2019
V/v kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Tiến;

Ông Nguyễn Trường Sơn;

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Như Hoa- Kiểm sát viên .

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 48/2019/DS - PT ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc “Kiện đòi tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/TLST - ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:79/2019/QĐXXPT - HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng P, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 3, tổ 4c, khu 19, phường G, tp V, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 36A, khu 17, phường G, tp V, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên năm 2013, chị Nguyễn Thị Minh H có nhờ bà P xin cho con gái bà là cháu Y (con gái bà H) sang Nhật Bản du học. Các chi phí liên quan đến việc đi sang Nhật Bản du học bà H đã đóng góp đầy đủ, còn một số chi phí khác trong lúc bà H chưa có tiền nên bà P phải ứng tiền của bà để trả hộ cho con bà H gồm các khoản: 01 vé máy bay (bay thẳng sang Nhật Bản không quá cảnh ở nước nào); 04 bộ hồ sơ phiên dịch từ tiếng Việt Nam sang tiếng Nhật

Bản; Tiền chuyển hồ sơ qua đường bưu điện..v.v... Tổng số tiền của các việc trên là 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Hai bên đã ghi vào sổ và cùng nhau thống nhất ký tên.

Từ thời điểm năm 2013 đến nay dù bà P đã đòi bà H nhiều lần nhưng bà H không chịu trả. Nay bà P đề nghị bà H phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc là 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và không đề nghị tính lãi đối với số tiền trên.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh H trình bày: Bà nhất trí với trình bày của bà P về việc bà nhờ bà P xin cho con gái bà sang Nhật Bản du học vào năm 2013. Theo bà số tiền 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) bà P đang khởi kiện tại Tòa án đó là số tiền bà và bà P thỏa thuận với nhau là sau khi con bà sang tới Nhật Bản thì bà P phải hỗ trợ xin được việc làm cho con bà H thì bà H sẽ trả nốt số tiền trên. Bà H công nhận chữ ký trong các giấy ghi nợ với nội dung: H nợ lại: Vé máy bay, hồ sơ. Tổng còn nợ lại 22.425.000đ (bản chính) và nội dung: H nợ lại tiền (= 10 man); 01 vé máy bay; dịch 04 bộ hồ sơ (Việt sang Nhật); tiền gửi hồ sơ.... Tổng còn nợ lại 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà bà P giao nộp ngày 13/5/2019 là đúng chữ ký của bà. Khi con bà H sang tới Nhật Bản thì con bà P có tới sân bay đón và đưa vào trường nhưng không hỗ trợ xin việc nên con bà H không có tiền gửi về để bà H trả tiền cho bà P.

Bà H cũng thừa nhận việc thỏa thuận hỗ trợ việc làm giữa con bà P và con bà như bà trình bày chỉ là hỗ trợ bằng miệng giữa hai người không có giấy tờ gì chứng minh, phía bà P không thừa nhận có sự thỏa thuận này, nhưng bà vẫn cho rằng đây là lỗi của hai bên do vậy bà H chỉ nhất trí trả một nửa số tiền trên là 11.212.000đ. Nhưng bà P không nhất trí với đề nghị của bà H là trả một nửa số tiền 11.212.000đ. Bà đề nghị bà H phải trả đủ số tiền 22.425.000đ. Sau khi được Tòa án hòa giải bà H đề nghị Tòa án cho thêm thời gian ngắn để xem xét về việc trả toàn bộ khoản nợ với bà P.

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng P vẫn giữ nguyên quan điểm như tại buổi hòa giải ngày 13/5/2019 bà yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền gốc là 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi số tiền trên. Tại phiên hòa giải, bà H thay đổi quan điểm, bà không đồng ý trả một nửa số tiền 11.212.000đ như biên bản hòa giải ngày 13/5/2019 bà đã trình bày và bà không đồng ý trả số tiền còn nợ lại là 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho bà P, vì lý do thực tế toàn bộ học phí mà bà phải đóng cho con bà sang Nhật bà đã chuyển khoản đầy đủ. Còn lại số tiền phải chi phí ở Việt Nam là 52.425.000đ, bà đã đưa cho bà P 30.000.000đ, còn lại số tiền bà P đang khởi kiện là 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) là số tiền bà hứa sẽ cho bà P khi con bà sang tới Nhật Bản thì con bà P phải

hỗ trợ xin việc cho con bà chứ không phải tiền bà vay của bà P, nhưng con bà P không hỗ trợ xin việc được cho con bà bên bà không đồng ý trả.

Tại các phiên hòa giải bà H vẫn thừa nhận số tiền 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) bà P đang khởi kiện đòi đối với bà thì bà có ký nhận nợ với bà P hai lần như bà P trình bày là đúng chữ ký của bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/TLST - ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Căn cứ 1 Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng P.

Buộc bà Nguyễn Thị Minh H phải trả cho bà Nguyễn Hồng P số tiền 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bản án còn tuyên về án phí và các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 28/7/2019 bà Nguyễn Thị Minh H kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Minh H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/TLST - DS ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà Nguyễn Thị Minh H ký vào giấy nợ lại tiền của bà Nguyễn Hồng P do tự tay bà H ký nhận với số tiền 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Hồng P trình bày đây là khoản tiền bà ứng trước cho con bà H, do bà H không có tiền nên bà ứng ra để mua vé máy bay, dịch hồ sơ....., đồng thời bà H cũng thừa nhận bà có ký vào giấy nợ lại với khoản tiền 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm

ngàn đồng). Bà H cho rằng đây là số tiền bà hứa cho bà P khi con gái bà sang tới Nhật Bản thì con bà P phải hỗ trợ xin việc cho con bà chứ không phải là tiền bà vay của bà P. Bà H cho rằng việc thỏa thuận hỗ trợ việc làm là bằng miệng giữa hai người không có giấy tờ chứng minh nên bà cho rằng là lỗi của hai bên do vậy bà H chỉ nhất trí trả 1/2 số tiền trên là 11.212.000đ (Mười một triệu, hai trăm mười hai ngàn đồng) (BL 26). Nhưng trong giấy ký nhận nợ bà H đã ký xác nhận nợ điều này cho thấy bà H thừa nhận số nợ 22.425.000đ (Hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) đối với bà P là có căn cứ pháp lý cần được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, kháng cáo của của bà Nguyễn Thị Minh H không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp phúc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 14/2019/TLST - ST ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ

[2]. Về án phí: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh H không được chấp nhận, bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/TLST -DS ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Minh H.

Áp dụng khoản 1 Điều 471, Điều 474, Điều 477 Bộ luật dân sự 2005, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Minh H phải trả cho bà Nguyễn Hồng P số tiền 22.425.000đ (hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi xuất quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm và 1.121.000đ (Một triệu, một trăm hai mươi một ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà Nguyễn Thị Minh H đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0000366 ngày 31/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Hồng P số tiền 560.000đ (năm trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003129 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS Tp. V;
- TAND thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền